

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**  
**KHOA KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THEO TÍN CHỈ**  
**HỌC PHẦN**

**TỔ CHỨC XÂY DỰNG**

**Dùng cho chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng**

**Bậc Đại học**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2588/QĐ-ĐHHĐ ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức)*

**Mã học phần: 158009**

**Số tín chỉ: 03**

**Giảng viên: ThS. Nguyễn Vũ Linh**

**Thanh Hoá, năm 2023**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

### 1. Thông tin chung về học phần

|  |                               |  |                               |
|--|-------------------------------|--|-------------------------------|
| Tên học phần:  |                               |  | <b>Mã học phần<br/>158505</b> |
| Tên tiếng Việt: Thi công nhà dân dụng<br>Tên tiếng Anh: High-rise building construction technology   |                               |  |                               |
| Học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn  |                               |  |                               |
| Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương; <input checked="" type="checkbox"/> Giáo dục chuyên nghiệp<br><input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ; <input type="checkbox"/> Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp |                               |  |                               |
| Số tín chỉ: 03   |                               |  |                               |
| Số tiết lý thuyết: 36  | Số tiết bài tập/thảo luận: 27 |  |                               |
| Số tiết thực hành: 0   | Số tiết tự học: 135           |  |                               |
| Số tiết các hoạt động khác: Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)   |                               |  |                               |
| Học phần tiên quyết:   | Không                         |  |                               |
| Học phần kế tiếp:  | Không                         |  |                               |
| Bộ môn quản lý học phần  | Kỹ thuật công trình           |  |                               |

### 2. Thông tin về giảng viên

| TT | Học hàm, học vị, họ và tên | Địa chỉ liên hệ   | Điện thoại, Email                         | Ghi chú   |
|----|----------------------------|---|---|-----------|
| 1  | ThS. Nguyễn Vũ Linh        | Bộ môn Kỹ thuật công trình,<br>Khoa Kỹ thuật công nghệ, ĐH Hồng Đức | 0983.541.568,<br>nguyenvulinh@hdu.edu.vn  | Phụ trách |
| 2  | PGS.TS. Ngô Sĩ Huy         |   | 0914.373.473<br>ngosihuy@hdu.edu.vn       | Tham gia  |
| 3  | TS. Nguyễn Văn Dũng        |   | 0943.683.669,<br>nguyenvandung@hdu.edu.vn | Tham gia  |

### 3. Mô tả tóm tắt học phần

Một số quy trình công nghệ và kỹ thuật xây dựng sử dụng phổ biến trong thi công kết cấu nhà dân dụng: Phương pháp thi công phần ngầm; phương pháp thi công phần thân; phương pháp thi công lắp ghép; công tác xây và hoàn thiện công trình dân dụng.

### 4. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức về công nghệ thi công nền móng nhà dân dụng.
- CO2: Có kiến thức về công nghệ thi công kết cấu thân công trình dân dụng.
- CO3: Có kiến thức về tác xây và hoàn thiện nhà dân dụng.

## 5. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CDR của học phần và CDR của CTĐT

| Chuẩn đầu ra học phần (CLO <sub>x</sub> ) | Mô tả chi tiết  | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) |
|---|---|-------------------------|
| <b>Kiến thức</b>                          |   |                         |
| CLO1                                      | Phân tích và lựa chọn được các biện pháp thi công phần ngầm;  | PLO5                    |
| CLO2                                      | Phân tích và lựa chọn được phương pháp thi công phần thân công trình;   | PLO5                    |
| CLO3                                      | Quản lý được quy trình thi công phần xây và hoàn thiện công trình.  |                         |
| <b>Kỹ năng</b>                            |   |                         |
| CLO4                                      | Lập được các biện pháp thi công phần ngầm; phần thân  | PLO5                    |
| CLO5                                      | Tính toán, thiết kế, thể hiện được quy trình thi công nhà dân dụng  | PLO5<br>PLO8            |
| <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>          |   |                         |
| CLO6                                      | Hình thành được các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, bảo vệ và chịu trách nhiệm về việc tổ chức sản xuất thi công xây dựng. | PLO9                    |

## 6. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc*

[1]. Ngô Văn Quý (2012), *Các phương pháp thi công xây dựng*, NXB Xây dựng.

### *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo*

[2]. Nguyễn Xuân Trọng (2010), *Thi công nhà cao tầng*, NXB Xây dựng.

## 7. Đánh giá kết quả học tập

| TT         | Phương pháp kiểm tra, đánh giá    | Công cụ đánh giá | CDR liên quan                | Trọng số |
|------------|-----------------------------------|------------------|------------------------------|----------|
| <b>I</b>   | <b>Kiểm tra thường xuyên (04)</b> |                  |                              |          |
| 1          | Viết (2 bài)                      | Rubric 5         | CLO1<br>CLO5                 | 30%      |
| 2          | Bài tập (1 bài)                   | Rubric 3         | CLO4                         |          |
| 3          | Chuyên cần và thái độ             | Rubric 1         | CLO6                         |          |
| <b>II</b>  | <b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>      |                  |                              |          |
|            | Viết                              | Rubric 5         | CLO2<br>CLO3                 | 20%      |
| <b>III</b> | <b>Thi cuối kỳ (01)</b>           |                  |                              |          |
|            | Viết                              | Rubric 5         | CLO2<br>CLO3<br>CLO4<br>CLO5 | 50%      |

(Phụ lục rubric đánh giá kèm theo)

## 8. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

| Nội dung chính  | Số tiết | Hình thức tổ chức dạy học | Chuẩn đầu ra HP | Tài liệu tham khảo | Yêu cầu SV chuẩn bị  |
|---|---------|---------------------------|-----------------|--------------------|--|
| <b>CHƯƠNG 1: Thi công xây dựng phần ngầm (6LT, 5TL/BT, 25TH)</b>  |         |                           |                 |                    |  |
| 1.1. Gia cường đất yếu<br>1.2. Công tác hồ móng   | 6       | Lí thuyết                 | CLO1            | [1]                | - Đọc trước các nội dung lý thuyết trong tài liệu yêu cầu trước mỗi lên lớp<br>- Chuẩn bị các nội dung thảo luận và bài tập tương ứng trước mỗi giờ thảo luận, bài tập |
| 1.3. Các biện pháp thi công tường hầm   | 5       | Thảo luận                 | CLO1            | [1]                |  |
| Ôn tập  | 25      | Tự học                    |                 |                    |  |
| <b>CHƯƠNG 2: Thi công các loại cọc trong xây dựng (6LT, 5TL/BT, 25TH)</b>   |         |                           |                 |                    |  |
| 2.1. Các loại cọc trong xây dựng<br>2.2. Thi công cọc bê tông cốt thép đúc sẵn<br>2.3. Thi công cọc bê tông cốt thép đổ tại chỗ   | 6       | Lí thuyết                 | CLO1            | [1]                | - Đọc trước các nội dung lý thuyết trong tài liệu yêu cầu trước mỗi lên lớp<br>- Chuẩn bị các nội dung thảo luận và bài tập tương ứng trước mỗi giờ thảo luận, bài tập |
| 2.4. Thi công cọc khoan nhồi và cọc barrette  | 5       | Thảo luận                 | CLO1            | [1]                |  |
| Ôn tập  | 25      | Tự học                    | CLO1            |                    |  |
| <b>CHƯƠNG 3: Xây dựng theo phương pháp đúc toàn khối (6LT, 5TL/BT, 25TH)</b>  |         |                           |                 |                    |  |
| 3.1. Công nghệ cốp pha tấm lớn<br>3.2. Công nghệ cốp pha tụy nen hay cốp pha hộp<br>3.3. Thi công các công trình bê tông đổ tại chỗ bằng cốp pha di động và cốp pha trượt | 6       | Lí thuyết                 | CLO2            | [1]                | - Đọc trước các nội dung lý thuyết trong tài liệu yêu cầu trước mỗi lên lớp<br>- Chuẩn bị các nội dung thảo  |
| 3.4. Bảo dưỡng ẩm cho cốp pha tấm lớn   | 4       | Thảo luận                 | CLO2            | [1]                |  |

|   |     |           |              |     |   |
|---|-----|-----------|--------------|-----|---|
| Ôn tập  | 25  | Tự học    |              |     | luận và bài tập tương ứng trước mỗi giờ thảo luận, bài tập  |
| Kiểm tra thường xuyên   | 15' | KT-ĐG     | CLO1         | [1] |   |
| <b>CHƯƠNG 4: Xây dựng theo phương pháp lắp ghép (6LT, 4TL/BT, 20TH)</b>   |     |           |              |     |   |
| 4.1. Phương pháp lắp ghép tự do<br>4.2. Lắp ghép kiểu tự do cải tiến<br>4.3. Dùng khung dẫn lớn<br>4.4. Phương pháp định vị khâu chuỗi<br>4.5. Lắp ghép theo phương pháp cưỡng bức  | 6   | Lí thuyết | CLO2         | [1] | - Đọc trước các nội dung lý thuyết trong tài liệu yêu cầu trước mỗi lên lớp<br>- Chuẩn bị   |
| 4.6. Lắp ghép nhà khung<br>4.7. Lắp ghép kiểu hộp   | 4   | Bài tập   | CLO2         | [1] | các nội dung thảo luận và   |
| Ôn tập  | 25  | Tự học    | CLO2         | [1] | bài tập tương ứng trước mỗi giờ thảo luận, bài tập  |
| <b>CHƯƠNG 5: Phương pháp thi công kết cấu bê tông cốt thép ứng suất trước (6LT, 4TL/BT, 20TH)</b>   |     |           |              |     |   |
| 5.1. Lịch sử phát triển của bê tông cốt thép ứng suất trước<br>5.2. Nguyên lý của bê tông ứng suất trước<br>5.3. Các phương pháp tạo ứng suất trước<br>5.4. Vật liệu dùng trong kết cấu BTCT ứng suất trước<br>5.5. Cấu tạo các kết cấu BTCT ứng suất trước | 6   | Lí thuyết | CLO2         | [1] | - Đọc trước các nội dung lý thuyết trong tài liệu yêu cầu trước mỗi lên lớp<br>- Chuẩn bị các nội dung thảo luận và bài tập tương ứng |
| 5.6. Tổn hao ứng suất trong kết cấu BTCT ứng suất trước   | 4   | Thảo luận | CLO2         | [1] | trước mỗi giờ thảo luận, bài tập  |
| Ôn tập  | 20  | Tự học    | CLO2         | [1] | tập   |
| Kiểm tra giữa kì  | 50' | KT-ĐG     | CLO1<br>CLO2 | [1] |   |
| <b>CHƯƠNG 6: Công tác xây và hoàn thiện công trình (6LT, 4TL/BT, 20TH)</b>  |     |           |              |     |   |
| 6.1. Công tác xây<br>6.2. Thi công trát, lát, ốp và trần công trình   | 6   | Lí thuyết | CLO3         | [1] | - Đọc trước các nội dung lý thuyết  |
| 6.3. Công tác lăn sơn và quét vôi   | 4   | Thảo luận | CLO3         | [1] | trong tài liệu  |

|                       |     |        |      |     |  |
|-----------------------|-----|--------|------|-----|--|
| Ôn tập                | 10  | Tự học | CLO3 | [1] | yêu cầu trước mỗi lên lớp<br>- Chuẩn bị các nội dung thảo luận và bài tập tương ứng trước mỗi giờ thảo luận, bài tập |
| Kiểm tra thường xuyên | 15' | KT-ĐG  | CLO3 |     |  |

### 9. Quy định đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham gia bảo vệ đồ án môn học.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

### 10. Các yêu cầu khác của giảng viên

Bố trí phòng học có máy chiếu đảm bảo yêu cầu dạy học.

### 11. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

|   |  |
|---|--|
| <b>Cập nhật ĐCCTHP lần 1</b><br><i>Ngày tháng năm 202</i> | <b>Người cập nhật</b><br><br><b>Nguyễn Vũ Linh</b> |
| <b>Cập nhật ĐCCTHP lần 2</b><br><i>Ngày tháng năm 202</i> | <b>Người cập nhật</b><br><br><b>Nguyễn Vũ Linh</b> |

**Duyệt**



**Ngô Sĩ Huy**

**P.Trưởng bộ môn**



**Nguyễn Thị Mùi**

*Ngày 11 tháng 10 năm 2023*

**Giảng viên**



**Nguyễn Vũ Linh**

**PHỤ LỤC**

***Rubric 1. Tiêu chí đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ***

| <b>Tiêu chí</b>   | <b>Thang điểm</b> | <b>Không đạt &lt;4.0</b>                                      | <b>Đạt 4.0-5.9</b>   | <b>Khá 6.0-7.9</b>  | <b>Tốt 8.0-10</b>   |
|---|-------------------|---|--|---|---|
| Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học | 5,0               | 0 đến < 2,5   | 2,5 đến < 3,3  | 3,3 đến < 4,0   | 4,0 đến 5,0   |
|   |                   | Chủ động thực hiện, đáp ứng < 50% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao. | - Chủ động, tích cực chuẩn bị bài, tham gia các hoạt động trong giờ học.<br>- Thực hiện đạt ≥ 80% nhiệm vụ học tập được giao. |
| Thời gian tham dự buổi học bắt buộc   | 4,0               | 0 đến < 1,0   | 1,0 đến < 2,0  | 2,0 đến < 3,0   | 3,0 đến 4,0   |
|   |                   | Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết                             | Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết                         | Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết                       | Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết  |
| Vào lớp học đúng giờ  | 1,0               | 0 đến < 0,25  | 0,25 đến < 0,5   | 0,5 đến < 0,75  | 0,75 đến 1,0  |
|   |                   | Vào lớp muộn > 30% số buổi                                    | Vào lớp muộn 20-30% số buổi                                  | Vào lớp muộn (quá 15 phút) 10% số buổi                      | Luôn đi học đúng giờ  |

**Rubric 3. Tiêu chí đánh giá bài tập cá nhân/thực hành/tự học/tiểu luận**

| Tiêu chí                     | Thang điểm | Không đạt <4.0   | Đạt 4.0-5.9   | Khá 6.0-7.9  | Tốt 8.0-10   |
|------------------------------|------------|--|---|--|--|
| Mức độ thực hiện nhiệm vụ    | 3,0        | 0 đến < 1,0  | 1,0 đến < 2,0   | 2,0 đến < 2,5  | 2,5 đến 3,0  |
|                              |            | Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm                           | Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn | Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn          | Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn  |
| Chất lượng nội dung sản phẩm | 5,0        | 0 đến < 2,5  | 2,5 đến < 3,3   | 3,3 đến < 4,0  | 4,0 đến 5,0  |
|                              |            | Trình bày quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ. | Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.                          | Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc. | Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo, có dẫn chứng hỗ trợ cho chủ đề. |
| Khả năng sáng tạo            | 2,0        | 0 đến < 0,5  | 0,5 đến < 1,0   | 1,0 đến < 1,5  | 1,5 đến 2,0  |
|                              |            | Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo.                      | Mới chỉ nêu được ý tưởng.   | Ý tưởng được thể hiện đầy đủ.  | Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng  |



**Rubric 5. Tiêu chí đánh giá bài thi viết**

| <b>Tiêu chí</b>    | <b>Thang điểm</b> | <b>Không đạt &lt;4.0</b>                         | <b>Đạt 4.0-5.9</b>                                     | <b>Khá 6.0-7.9</b>  | <b>Tốt 8.0-10</b>                      |
|--------------------|-------------------|--|--|---|--|
| Nội dung           | 5,0               | 0 đến < 2,5                                      | 2,5 đến < 3,3  | 3,3 đến < 4,0   | 4,0 đến 5,0                            |
|                    |                   | Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài | Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài | Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài      | Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%     |
| Khả năng vận dụng  | 3,0               | 0 đến < 1,0                                      | 1,0 đến < 2,0  | 2,0 đến < 2,5   | 2,5 đến 3,0                            |
|                    |                   | Không thực hiện được bài tập                     | Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp                | Có khả năng vận dụng kiến thức                            | Bài làm có tính vận dụng sáng tạo      |
| Khả năng phân tích | 2,0               | 0 đến < 0,5                                      | 0,5 đến < 1,0  | 1,0 đến < 1,5   | 1,5 đến 2,0                            |
|                    |                   | Không phân tích được vấn đề                      | Phân tích vấn đề còn sơ sài                            | Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra | Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra |

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 10 năm 2023

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**I. Phần chung**

1. Hội đồng nghiệm thu đề cương chi tiết gồm:

| TT | Họ và tên        | Chức vụ         | Chức danh trong Hội đồng | Ghi chú |
|----|------------------|-----------------|--------------------------|---------|
| 1  | Mai Thị Hồng     | Trưởng Bộ môn   | Chủ tịch hội đồng        |         |
| 2  | Nguyễn Thị Mùi   | P.Trưởng Bộ môn | Ủy viên                  |         |
| 3  | Ngô Sỹ Huy       | Giảng viên      | Ủy viên                  |         |
| 4  | Lê Thị Thanh Tâm | Giảng viên      | Ủy viên                  |         |
| 5  | Nguyễn Thị Thanh | Giảng viên      | Thư ký                   |         |

2. Hội đồng họp vào hồi 8h00', ngày 11 tháng 10 năm 2023 tại phòng: 308A3, Bộ môn Kỹ thuật công trình, Đại học Hồng Đức.

3. Nội dung:

Hội đồng họp nghiệm thu đề cương chi tiết học phần theo học chế tín chỉ.

- Tên học phần: **Thi công nhà dân dụng**
- Số tín chỉ: 03
- Ngành ngành đào tạo: Kỹ thuật xây dựng trình độ Đại học

**II. Phần nhận xét**

Sau khi nghe tác giả trình bày nội dung đề cương chi tiết học phần, Hội đồng nhận xét, thảo luận, góp ý và thống nhất một số ý kiến sau:

- Về hình thức: Đề cương trình bày đúng mẫu theo nhà trường quy định, trình bày đẹp.

- Về cấu trúc: Hợp lý, khoa học.

- Về nội dung: Nội dung phù hợp với chương trình đào tạo chuyên ngành và theo định hướng giúp người học tự học, tự nghiên cứu. Các rubric được sử dụng trong việc đánh giá kết quả học phần là đầy đủ, chi tiết và phù hợp với đặc thù của học phần.

**III. Kết luận**

Hội đồng thống nhất thông qua đề cương chi tiết trên và đề nghị nhà trường thông qua để giảng dạy bắt đầu từ năm học 2023-2024 cho các lớp Đại học KTXD K26 áp dụng đối với khóa khóa tuyển sinh từ tháng 9 năm 2023.

Buổi họp kết thúc hồi 10h00' cùng ngày.

Thư ký Hội đồng

Nguyễn Thị Thanh

Chủ tịch Hội đồng

Mai Thị Hồng